

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2265/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2006 – 2010**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 81/2003/NĐ-CP ngày 17/7/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động về người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 08/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa X Kỳ họp thứ 9 về Chương trình mục tiêu giảm nghèo; Việc làm và Đề án hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 727/SLĐTĐBXH-LĐVL ngày 30/8/2006 về việc đề nghị phê duyệt Đề án Xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 – 2010 (Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố Quảng Ngãi triển khai thực hiện Đề án xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 – 2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Tư pháp; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại tỉnh; Giám đốc Chi

nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI
GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

*(Kèm theo Quyết định số: 2265/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 22/9/1998 Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 41-CT/TW về xuất khẩu lao động và chuyên gia, trong đó xem “Xuất khẩu lao động và chuyên gia là một chiến lược quan trọng, lâu dài, góp phần xây dựng đội ngũ lao động cho công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là một bộ phận của hợp tác quốc tế, góp phần củng cố quan hệ hữu nghị, hợp tác lâu dài với các nước”.

Ngày 20/5/2003 Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Chỉ thị số 12-CT/TU về đẩy mạnh xuất khẩu lao động, trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 101/2003/QĐ-UBND ngày 26/5/2003 về việc phê duyệt Đề án Xuất khẩu lao động của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2003 - 2005. Qua hơn hai năm thực hiện Đề án đã được một số kết quả đáng khích lệ so với giai đoạn 1995 - 2002, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu và khả năng của lực lượng lao động trong tỉnh.

Trong giai đoạn 2006 - 2010, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVII và Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 08/7/2006 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X Kỳ họp thứ 9 về Chương trình mục tiêu giảm nghèo; Việc làm và Đề án hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ gia đình có công với cách mạng và hộ nghèo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010 đưa ra mục tiêu mỗi năm giải quyết việc cho 33.000 lao động, trong đó “Phần đầu từ năm 2006 đến năm 2010 đưa từ 2000 đến 2500 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài”.

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVII và Nghị quyết số 37/2006/NQ-HĐND ngày 08/7/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh ban hành Đề án Xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010 để định hướng cho các cấp chính quyền, đoàn thể triển khai chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác xuất khẩu lao động góp phần tạo mở việc làm, xóa

đổi giảm nghèo và phát triển nguồn nhân lực cũng như kinh tế của tỉnh trong giai đoạn này.

PHẦN THỨ I:

Đánh giá kết quả thực hiện Đề án Xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2003 - 2005

I- Kết quả đạt được

Đề án Xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2003 - 2005 đưa ra mục tiêu là: “Từ năm 2003 đến năm 2005 phấn đấu đưa từ 1.500 đến 2.000 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, trong đó chủ yếu là thị trường Malaysia, bình quân mỗi năm đưa từ 500 đến 700 người đi xuất khẩu lao động”. Qua 03 năm triển khai thực hiện Đề án, toàn tỉnh đã đạt được một số kết quả như sau:

Năm	Tổng số	Chia ra			
		Malaysia	Đài Loan	Hàn Quốc	Nhật Bản
2003	278	262	16	-	-
2004	251	238	11	-	2
2005	146	35	-	94	17
Tổng cộng	675	535	27	94	19

Với kết quả như trên cho thấy việc đưa người lao động trong tỉnh đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trong giai đoạn 2003 - 2005 còn quá ít, chưa đáp ứng được nhu cầu giải quyết việc làm và khả năng của lực lượng lao động. Tuy nhiên nếu so với kết quả thực hiện từ năm 1995 đến năm 2002, toàn tỉnh chỉ đưa được 148 người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài thì Đề án Xuất khẩu lao động của tỉnh giai đoạn 2003 - 2005 có tác dụng khởi động và làm cơ sở đúc rút kinh nghiệm để xây dựng và thực hiện Đề án trong những năm tiếp theo.

II- Nguyên nhân đạt được và những tồn tại

1/ Nguyên nhân đạt được những kết quả

- Có sự thống nhất về nhận thức giữa Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, Ban ngành và Hội, đoàn thể có liên quan; các cấp chính quyền địa phương về quan điểm, định hướng và mục tiêu xuất khẩu lao động.

- Hệ thống Ngân hàng Thương mại nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội đã có cơ chế và triển khai cho vay vốn, tạo điều kiện cho người lao động có đủ khả năng về tài chính để trang trải chi phí khi tham gia xuất khẩu lao động.

- Trong tỉnh đã hình thành các Trung tâm dịch vụ việc làm và dạy nghề thực hiện chức năng tạo nguồn lao động: một mặt đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chuyên doanh xuất khẩu lao động tiếp cận nhanh chóng, thuận lợi với người lao động, mặt khác đã đào tạo, bổ túc nghề cho người lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động ở nước ngoài.

2/ Những tồn tại

Kết quả thực hiện Đề án Xuất khẩu lao động của tỉnh giai đoạn 2003 - 2005 còn nhiều hạn chế như: số người đi xuất khẩu lao động đạt thấp (chỉ đạt 44,26% so với mục tiêu đặt ra trong Đề án), chưa có xu hướng phát triển (vì năm sau đạt thấp hơn năm trước). Sự hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chính như sau:

+ Tỉnh ta chưa có doanh nghiệp được phép chuyên hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, các doanh nghiệp (và các Chi nhánh của doanh nghiệp) có chức năng xuất khẩu lao động đều ở xa nên người lao động ít có cơ hội trực tiếp tiếp xúc với các đơn vị để được tuyển dụng đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

+ Công tác tuyên truyền chưa sâu rộng nên người lao động không có đầy đủ thông tin về việc đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. Mặt khác tâm lý của người lao động Quảng Ngãi ngại xa gia đình trong thời gian dài, tâm lý sợ không an toàn khi làm việc ở nước ngoài;

+ Trình độ chuyên môn, tay nghề và tác phong lao động công nghiệp của người lao động còn yếu, thậm chí nhiều lao động không có tay nghề, trình độ học vấn lại thấp, sức khỏe, chiều cao, cân nặng không đủ tiêu chuẩn, chưa đáp ứng được nhu cầu khi doanh nghiệp cần;

+ Kinh phí hỗ trợ về học ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho đối tượng đi xuất khẩu lao động chưa được thực hiện mặc dù trong Đề án Xuất khẩu lao động của tỉnh đã có quy định;

+ Chính sách và cơ chế cho vay đối với lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài còn nhiều ràng buộc, thực hiện chưa đồng bộ, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu vay của người lao động;

PHẦN THỨ II:

Đề án Xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010

I- THỰC TRẠNG LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2006 - 2010:

1- Dân số và lực lượng lao động cuối năm 2005

Năm 2005 dân số của tỉnh khoảng 1,3 triệu người; lao động trong độ tuổi có 710.000 người, trong đó nữ chiếm gần 52%. Lực lượng lao động phân bố ở khu vực thành thị 16,36%; ở khu vực nông thôn 83,64%.

2- Cơ cấu của lực lượng lao động theo trình độ chuyên môn vào năm 2005

- Số chưa qua đào tạo: 80,0%
- Số đã qua đào tạo: 20,0%, trong đó:
 - + Công nhân kỹ thuật có bằng và không có bằng: 14,6%;
 - + Đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp: 5,4%.

3- Cơ cấu của lực lượng lao động theo thực trạng việc làm vào năm 2005

- Lao động có việc làm thường xuyên: 95,2%, trong đó:
 - + Lao động có đủ việc làm: 62,3%
 - + Lao động thiếu việc làm: 32,9%
- Lao động thất nghiệp: 4,8%
- Thời gian sử dụng lao động ở nông thôn: 78,0%

Dự báo giai đoạn 2006 - 2010, ước bình quân mỗi năm có tổng số người trong độ tuổi lao động 755.000 người, trong đó số người bước vào độ tuổi lao động mỗi năm tăng bình quân từ 14 - 15 nghìn người (học sinh phổ thông tốt nghiệp không theo học các trường tham gia lực lượng lao động và học sinh tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp khoảng 9.000 – 10.000 người, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục viên, xuất ngũ hàng năm trên dưới 2.000 người, lao động thất nghiệp của năm trước chuyển sang bình quân khoảng trên 3.000 người).

Số lao động nêu trên cùng với số lao động có nhu cầu việc làm mới do chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và số thiếu việc làm có nhu cầu thêm việc làm tăng lên tạo nên sức ép rất lớn đối với nền kinh tế của tỉnh và trở thành nhu cầu bức xúc của xã hội.

Vì vậy giải quyết việc làm là nhiệm vụ của các cấp chính quyền, Hội đoàn thể và toàn xã hội, đòi hỏi phải có những giải pháp và biện pháp cụ thể, năng động, kiên quyết để thực hiện. Trong các biện pháp và giải pháp về giải quyết việc làm, xuất

khẩu lao động là một giải pháp vừa góp phần giải quyết việc làm, vừa góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ tay nghề, tăng thu nhập cho người lao động và tăng nguồn thu ngoại tệ, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II- NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1- Mục tiêu của Đề án

Xuất phát từ thực trạng lao động và việc làm của tỉnh và qua kết quả thực hiện Đề án Xuất khẩu lao động của tỉnh giai đoạn 2003 - 2005, mục tiêu của Đề án xuất khẩu lao động tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 – 2010 cụ thể như sau:

Phấn đấu mỗi năm đưa từ 2.000 đến 2.500 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; trong đó, có 70% lao động phổ thông thuộc diện hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn đi Malaysia; 30% lao động có tay nghề, có khả năng về tài chính đi Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan; ngoài ra cần tích cực quan hệ với Cục Quản lý lao động ngoài nước và các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động để tìm chỉ tiêu đưa lao động đi các nước, vùng lãnh thổ khác có thu nhập cao, trong đó chú trọng chỉ tiêu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ.

2- Điều kiện đối với lao động khi tham gia xuất khẩu lao động

Tuổi từ 18 đến 35, trình độ văn hóa theo yêu cầu của người sử dụng lao động ở nước ngoài qui định riêng cho từng công việc cụ thể; có sức khỏe tốt, không có bệnh truyền nhiễm, không có tiền án tiền sự; ưu tiên tuyển những người đã qua đào tạo nghề nhưng chưa có việc làm và người có đất nông nghiệp bị chuyển đổi mục đích sử dụng, người di dời tái định cư theo yêu cầu phát triển công nghiệp và đô thị hóa; mở rộng tuyển chọn người lao động trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khi doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng do sắp xếp lại doanh nghiệp, tổ chức sản xuất hoặc gặp khó khăn khách quan phải giảm chỗ làm việc.

3.3- Tạo nguồn cho xuất khẩu lao động

- Hàng năm, các xã, phường, thị trấn phải tiến hành điều tra, rà soát những người chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm để nắm chắc trình độ văn hóa, tay nghề và hoàn cảnh kinh tế của từng người; tổ chức tuyên truyền và lập danh sách những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động để giới thiệu cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động; định hướng cho người lao động học nghề, học ngoại ngữ để đủ điều kiện tham gia xuất khẩu lao động khi được tuyển.

- Các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm bố trí và tạo điều kiện để các doanh nghiệp chuyên xuất khẩu lao động đến tiếp xúc với nhân dân để tư vấn, giới thiệu nhu cầu tuyển dụng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài để người lao động an tâm, tin tưởng và có sự lựa chọn chính xác để đi làm việc ở nước ngoài.

- Các trung tâm giới thiệu việc làm trong tỉnh thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và các xã, phường, thị trấn trong tỉnh để tạo nguồn cho xuất khẩu lao động.

3.4- Thực hiện chính sách hỗ trợ về tài chính

3.4.1- Phương thức, mức và nguồn hỗ trợ

Người lao động khi được tuyển đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài sẽ được hưởng các quyền lợi về hỗ trợ tài chính như sau:

- Ngân sách hỗ trợ một phần chi phí về giáo dục định hướng, đào tạo ngoại ngữ (ngắn hạn) và dạy nghề với mức thực tế do cơ sở đào tạo, dạy nghề quy định nhưng không quá 700.000 đồng/người.

Nguồn hỗ trợ lấy từ kinh phí sự nghiệp đào tạo và dạy nghề của tỉnh, kinh phí chương trình mục tiêu dạy nghề hàng năm của Trung ương giao cho địa phương và nguồn kinh phí thực hiện cơ chế chính sách của tỉnh.

- Được vay ở các Ngân hàng thương mại và Ngân hàng Chính sách xã hội theo thể lệ và thỏa thuận cho vay của Ngân hàng từ nguồn vốn do Ngân hàng huy động và quản lý với mức bằng 80% tổng chi phí dịch vụ xuất khẩu lao động theo lãi suất do Ngân hàng quy định.

Riêng người lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ chính sách, bộ đội xuất ngũ và đồng bào dân tộc ít người còn được vay 20% số chi phí còn lại từ nguồn Quỹ giải quyết việc làm địa phương do tỉnh thành lập (theo quy định tại Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 22/8/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh), ngân sách tỉnh cấp qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh cho vay theo lãi suất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3.4.2- Điều kiện được hỗ trợ tài chính

Những đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về tài chính để đi xuất khẩu lao động phải có đủ các điều kiện sau:

- Có hộ khẩu thường trú tại các xã, phường, thị trấn của tỉnh Quảng Ngãi.

- Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, không vi phạm pháp luật Nhà nước, không có tiền án, tiền sự, thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ công dân.

- Đã được các doanh nghiệp thực hiện chức năng xuất khẩu lao động của Việt Nam tuyển dụng và ký hợp đồng để đưa đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Có nhu cầu vay vốn để trang trải chi phí đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và cam kết thực hiện các quy định của Ngân hàng.

- Tự nguyện cam kết: Không vi phạm hợp đồng lao động hoặc hợp đồng đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đã ký kết với các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động của Việt Nam, không bỏ trốn khi đang làm việc tại doanh nghiệp của nước ngoài theo hợp đồng lao động đã ký kết, không vi phạm kỷ luật lao động của doanh nghiệp ở nước ngoài, không vi phạm pháp luật của nước đến làm việc.

4- Nhu cầu tài chính để thực hiện đề án

Hiện nay, chi phí để đi làm việc và thu nhập của người lao động ở nước ngoài như sau:

Nước đến làm việc	Chi phí (VNĐ)	Thu nhập 1 người/tháng (VNĐ)
Malaysia	22 triệu	2 triệu – 4 triệu
Nhật Bản	145 triệu	20 triệu
Hàn Quốc (chỉ tiêu hạn chế do Bộ đưa đi)	18 triệu	10 triệu – 15 triệu
Đài Loan	75 triệu	8 triệu – 10 triệu

Trong 5 năm 2006 - 2010, nếu đưa được 2500 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo cơ cấu: Malaysia: 1.400 người, Nhật Bản: 100 người, Hàn Quốc: 500 người, Đài Loan: 500 người thì tổng chi phí để thực hiện Đề án là:

Đi Malaysia: 20 triệu x 1.400 = 35.000 triệu.

Nhật Bản: 145 triệu x 100 = 14.500 triệu.

Hàn Quốc: 18 triệu x 500 = 9.000 triệu.

Đài Loan: 75 triệu x 500 = 37.500 triệu.

Tổng cộng: 89.000 triệu.

Tổng chi phí này được chia ra như sau:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ học ngoại ngữ, giáo dục định hướng, bổ túc nghề: 0,700 triệu x 2.500 = 1.750 triệu

- Vay ở Ngân hàng Thương mại (80% tổng chi phí hợp pháp):

$$(89.000 \text{ triệu} - 1.750 \text{ triệu}) \times 80\% = 69.800 \text{ triệu.}$$

- Vay ở Ngân hàng Chính sách xã hội (30% số người tham gia xuất khẩu lao động thuộc diện được vay 20% chi phí còn lại):

$$(89.000 \text{ triệu} - 1.750 \text{ triệu}) \times 20\% \times 30\% = 5.235 \text{ triệu.}$$

- Người lao động tự lo:

$$89.000 \text{ triệu} - 69.800 \text{ triệu} - 5.235 \text{ triệu} = 12.215 \text{ triệu.}$$

5- Hiệu quả của đề án

Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và thực tế lao động đang làm việc ở nước ngoài, ước thu nhập **hàng tháng** của 2.500 lao động ở nước ngoài như sau:

$$\text{Ở Malaysia: } 3 \text{ triệu} \times 1.400 = 4.200 \text{ triệu.}$$

$$\text{Ở Nhật Bản: } 20 \text{ triệu} \times 100 = 2.000 \text{ triệu.}$$

$$\text{Ở Hàn Quốc: } 10 \text{ triệu} \times 500 = 5.000 \text{ triệu.}$$

$$\text{Ở Đài Loan: } 9 \text{ triệu} \times 500 = \underline{4.500 \text{ triệu.}}$$

$$\textbf{Tổng cộng: } \quad \quad \quad \textbf{15.700 \text{ triệu.}}$$

- Chi tiêu hàng tháng của 2.500 lao động trên (Ước bình quân tất cả các nước đều có mức chi phí hàng tháng là 2,5 triệu đồng):

$$2,5 \text{ triệu} \times 2.500 = 6.250 \text{ triệu đồng.}$$

- Số tiền còn lại bình quân ở tất cả các nước của người lao động gửi về gia đình hàng tháng:

$$15.700 \text{ triệu} - 6.250 \text{ triệu} = 9.450 \text{ triệu đồng.}$$

Như vậy sau 03 năm (vì thời gian làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thông thường là 03 năm), số người đi xuất khẩu lao động gửi về gia đình số tiền là:

$$9.450 \text{ triệu/tháng} \times 36 \text{ tháng} = 340.200 \text{ triệu đồng}$$

(tương đương khoảng 22 triệu USD).

Ngoài khoản thu nhập nêu trên, hiệu quả của Đề án còn thể hiện ở chỗ tạo việc làm ổn định và nâng cao tay nghề, góp phần rèn luyện tác phong lao động công nghiệp cho người lao động. Khi hoàn thành hợp đồng lao động về nước số lao động này có điều kiện về tài chính và tay nghề để tạo mở việc làm, tăng thu nhập không những cho bản thân mà còn cho những người khác, góp phần đáng kể vào công cuộc xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm của tỉnh.

III- CÁC GIẢI PHÁP

1- Tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng

Xuất khẩu lao động được xem là một trong những nội dung của Chương trình việc làm nên cần có sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền, Hội đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Các cấp chính quyền cần tham mưu đưa công tác kiểm tra việc thực hiện công tác xuất khẩu lao động vào sinh hoạt, kiểm điểm định kỳ của các cấp ủy để kịp thời chỉ đạo Chính quyền, Hội đoàn thể thực hiện.

2- Tuyên truyền vận động

- Triển khai tuyên truyền sâu rộng đến các cấp Chính quyền, Hội Đoàn thể và quần chúng nhân dân về chủ trương, chính sách, ý nghĩa, tầm quan trọng của xuất khẩu lao động, mục tiêu, phương hướng và giải pháp về xuất khẩu lao động trong đề án này thông qua nhiều hình thức như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; hội nghị, hội thảo chuyên đề; lồng ghép vào các cuộc sinh hoạt khác của các đoàn thể và nhân dân.

- Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về thị trường lao động của các nước và vùng lãnh thổ về: số lượng, tiêu chuẩn tuyển chọn, điều kiện làm việc, sinh hoạt, quyền lợi, trách nhiệm của người lao động và các khoản phí phải nộp, các khoản kinh phí hỗ trợ của Nhà nước; tên, địa chỉ và tư cách của các cơ quan có thẩm quyền hay liên quan trong việc giải quyết thủ tục đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; ngăn chặn kịp thời những thông tin thất thiệt, các hành vi lừa đảo gây thiệt hại cho người lao động.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác xuất khẩu lao động từ tỉnh đến huyện, thành phố

2- Thành lập Ban chỉ đạo tỉnh gồm các thành viên

- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng ban
 - Giám đốc Sở Lao động –TB&XH - Phó Ban thường trực
 - Lãnh đạo Công an tỉnh - Phó ban
 - Các Sở: Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, Y tế - Ủy viên
 - Các Chi nhánh Ngân hàng thương mại tỉnh - Ủy viên
 - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh - Ủy viên
- Mời lãnh đạo các tổ chức đoàn thể tham gia làm ủy viên:
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
 - Hội Nông dân tỉnh;
 - Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;

- Hội Cựu chiến binh tỉnh;
- Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi;
- Liên đoàn Lao động tỉnh.

Ban chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc, có tổ chuyên viên giúp việc là những cán bộ có tinh thần trách nhiệm, có chuyên môn ở các ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, các Chi nhánh Ngân hàng Thương mại và Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh.

3- Nhiệm vụ của các Sở, Ban ngành tỉnh

3.1- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tổ chức kiểm tra giám sát chặt chẽ các cơ sở được phép giáo dục định hướng, dạy ngoại ngữ, đào tạo nghề phục vụ cho xuất khẩu lao động nhằm đảm bảo chất lượng nguồn lao động theo yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động và các doanh nghiệp xuất khẩu lao động.

- Hướng dẫn các huyện, thành phố và các Trung tâm giới thiệu việc làm tạo nguồn cho xuất khẩu lao động.

- Thường xuyên quan hệ với Cục Quản lý lao động ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động để tranh thủ chỉ tiêu xuất khẩu lao động phân bổ cho tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế hỗ trợ học ngoại ngữ, giáo dục định hướng, dạy nghề đối với người được tuyển chọn đi xuất khẩu lao động.

- Căn cứ vào kế hoạch xuất khẩu lao động của tỉnh, tổng hợp nhu cầu kinh phí về giáo dục định hướng, đào tạo ngoại ngữ và dạy nghề gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Giáo dục – Đào tạo trước ngày 01 tháng 11 hàng năm để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí.

- Tổng hợp tình hình thực hiện Đề án, định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất các biện pháp chỉ đạo nhằm đảm bảo thực hiện Đề án đạt mục tiêu đề ra.

3.2- Sở văn hóa – Thông tin, Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi

Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác lao động việc làm và xuất khẩu lao động, những vấn đề tiêu cực cần ngăn chặn để nâng cao cảnh giác, tránh bị lừa đảo đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

3.3- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Đề xuất chính sách cho vay từ ngân sách tỉnh đã chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội để theo dõi cho vay; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí giáo dục định hướng, đào tạo ngoại ngữ và dạy nghề.

3.4- Các Ngân hàng: Hướng dẫn thủ tục vay vốn, lãi suất cho vay, thực hiện cho vay và các phương pháp thu hồi nợ đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định hiện hành về cho vay vốn của cơ quan có thẩm quyền.

3.5- Công an tỉnh: Giải quyết nhanh chóng việc cấp hộ chiếu cho người lao động đã ký kết hợp đồng xuất khẩu lao động, phát hiện kịp thời những trường hợp không đủ tiêu chuẩn đi làm việc ở nước ngoài; chủ trì phối hợp với các ngành liên quan phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi lừa đảo, gây thiệt hại cho người lao động và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực xuất khẩu lao động.

3.6- Sở Y tế: Chỉ đạo Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi tổ chức tốt việc khám sức khỏe cho người lao động, bảo đảm chính xác, đúng thời gian quy định.

3.7- Sở Tư pháp: Có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương cấp lý lịch tư pháp cho người lao động có hợp đồng xuất khẩu lao động đúng thời gian quy định.

4- Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác xuất khẩu lao động với thành phần tương tự và chức năng, nhiệm vụ như Ban chỉ đạo tỉnh.

- Chỉ đạo UBND, các Hội đoàn thể cấp xã, phường, thị trấn tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chính sách của tỉnh, hiệu quả, lợi ích khi xuất khẩu lao động để nhân dân nhận thức và tích cực tham gia.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn điều tra nắm danh sách người lao động có nhu cầu đi xuất khẩu để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tập hợp đưa vào danh sách tạo nguồn.

5- Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

- Thông báo công khai các điều kiện, tiêu chuẩn, chi phí và tiền lương đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo thông tin do Ban chỉ đạo tỉnh và doanh nghiệp xuất khẩu lao động cung cấp; ngăn chặn và báo cáo kịp thời hành vi tung tin thất thiệt gây thiệt hại đối với công tác xuất khẩu lao động của tỉnh, môi giới lừa đảo và thu tiền bất chính của người tham gia xuất khẩu lao động.

- Tổ chức điều tra hàng năm để nắm danh sách người lao động có nhu cầu tham gia xuất khẩu lao động báo cáo với Ban chỉ đạo cấp huyện, thành phố.

- Tổ chức tuyên truyền để người lao động đăng ký tham gia xuất khẩu lao động; chọn và giới thiệu những người có đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, đủ sức khỏe, có đủ trình độ học vấn và chuyên môn theo yêu cầu; là thành viên của gia đình chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để các doanh nghiệp xuất khẩu lao động trực tiếp tuyển chọn.

- Lập hồ sơ bảo lãnh tín chấp cho người lao động được vay vốn; tuyên truyền, vận động các gia đình có người lao động đang làm việc có thời hạn ở nước ngoài giáo dục, động viên con em họ thực hiện nghiêm túc hợp đồng lao động, không được phá vỡ hợp đồng lao động và bỏ trốn.

- Tổ chức hình thành các Tổ liên gia gồm những gia đình có người tham gia xuất khẩu lao động để thường xuyên nắm bắt thông tin, giáo dục, động viên con em mình làm việc tốt, chấp hành nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký trong hợp đồng lao động, không bỏ trốn, không làm ảnh hưởng đến uy tín của lao động Việt Nam tại nước sở tại, trả nợ vay ngân hàng đúng kỳ hạn; tuyên truyền, hướng dẫn và vận động người khác tham gia xuất khẩu lao động.

6- Nhiệm vụ của doanh nghiệp xuất khẩu lao động

- Thông báo cụ thể, công khai về thị trường lao động, kế hoạch, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng và các khoản chi phí phải nộp, tiền lương, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động được hưởng và phải thực hiện. Doanh nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục và hồ sơ cần thiết cho người lao động khi tham gia xuất khẩu lao động.

- Chịu trách nhiệm tổ chức giáo dục định hướng và đào tạo ngoại ngữ cho người lao động đã qua sơ tuyển.

- Cam kết chịu trách nhiệm đối với địa phương (huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn) và gia đình có người được doanh nghiệp tuyển dụng đưa đi xuất khẩu lao động về bảo đảm tính mạng và quyền lợi hợp pháp cho người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài và bồi thường thiệt hại cho người lao động khi phải về nước trước thời hạn nếu không do lỗi do người lao động gây ra theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đôn đốc, tạo điều kiện để người lao động trả nợ vay cho ngân hàng đúng thời hạn theo quy định.

- Thông báo tình hình chung về việc làm, điều kiện sinh hoạt, đời sống của người lao động đi lao động có thời hạn ở nước ngoài cho chính quyền xã, phường, thị trấn có người đi xuất khẩu lao động biết.

- Phát hiện và thông báo kịp thời cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội những trường hợp người lao động Quảng Ngãi đang làm việc có thời hạn ở nước ngoài vi phạm hợp đồng lao động và các hành vi vi phạm khác để cùng phối hợp xử lý.

7- Nhiệm vụ của các Ngân hàng thương mại và Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn

Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động vay vốn theo quy định, hướng dẫn của Chính phủ và của ngành (đối với vốn do ngân hàng quản lý) và theo quy định của UBND tỉnh (đối với nguồn vốn do ngân sách tỉnh ủy quyền cho vay thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội) để giúp người lao động kịp thời trang trải chi phí khi tham gia xuất khẩu lao động, đảm bảo thu hồi nợ Ngân hàng khi đến hạn.

8- Tăng cường sự phối hợp giữa địa phương và các doanh nghiệp xuất khẩu lao động

Thường xuyên tổ chức các Hội nghị giao ban, các cuộc họp trao đổi thông tin giữa chính quyền và Ban chỉ đạo xuất khẩu lao động các cấp với tất cả các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động có tuyển dụng lao động trên địa bàn tỉnh; điều phối địa bàn tuyển dụng phù hợp yêu cầu của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động.

9- Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xuất khẩu lao động đến mọi tầng lớp nhân dân, động viên người lao động và gia đình mạnh dạn tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài để tạo việc làm cho bản thân và tăng thu nhập, góp phần cải thiện đời sống cho bản thân và gia đình người lao động.

10- Đề nghị các Hội, đoàn thể tỉnh: có điều tra nắm chắc số hội viên có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, phối hợp với các địa phương và doanh nghiệp chuyên xuất khẩu lao động để tạo nguồn và tìm chỉ tiêu xuất khẩu lao động cho Hội, đoàn thể mình; có những giải pháp thiết thực giúp đỡ về vật chất và tinh thần để hội viên có đủ điều kiện tham gia xuất khẩu lao động.

11- Thông tin báo cáo

- Định kỳ hàng tháng, Ban chỉ đạo thực hiện công tác xuất khẩu lao động huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực Ban chỉ đạo thực hiện

công tác xuất khẩu lao động tỉnh (Sở Lao động-Thương binh và Xã hội) để tổng hợp báo cáo về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hàng quý, 6 tháng và hàng năm Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức họp với sự tham gia của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động để đánh giá tình hình, kết quả phối hợp thực hiện, đề ra các giải pháp nhằm khắc phục khó khăn vướng mắc và kế hoạch trong thời gian tới.

Trong quá trình thực hiện đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc yêu cầu báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để xem xét giải quyết/.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Huế